

Chi tiết mã HS 8502.31.10

Mã HS	8502.31.10
Mô tả hàng hóa	Tổ máy phát điện và máy biến đổi điện quay / - Tổ máy phát điện khác: / - - Chạy bằng sức gió: / - - Công suất không quá 10.000 kVA
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	01/11/2026 11:40:03
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 - BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/85023110/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K14940
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N14940
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q14940
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) - 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E14234
ATIGA	2022	2022	0	AT!E14175
ATIGA	2023	2023	0	AT!F14175
ATIGA	2024	2024	0	AT!G14175
ATIGA	2025	2025	0	AT!H14175
ATIGA	2026	2026	0	AT!I14175
ATIGA	2027	2027	0	AT!J14175
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E14229
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F14229

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G14229
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H14229
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I14229
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J14229
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E14230
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F14230
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G14230
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H14230
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I14230
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J14230
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F14233
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H14181
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F14189
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G14189
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H14189
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I14189
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J14189
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K14189
VKFTA	2022	2022	0	VK!E14220
VKFTA	2023	2023	0	VK!F14220
VKFTA	2024	2024	0	VK!G14220
VKFTA	2025	2025	0	VK!H14220
VKFTA	2026	2026	0	VK!I14220
VKFTA	2027	2027	0	VK!J14220
VCFTA	2022	2022	0	VC!D14275
VCFTA	2023	2023	0	VC!E14275

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F14275
VCFTA	2025	2025	0	VC!G14275
VCFTA	2026	2026	0	VC!H14275
VCFTA	2027	2027	0	VC!I14275
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D14252
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E14252
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F14252
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G14252
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H14252
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I14252
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D14252
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E14252
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F14252
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G14252
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H14252
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I14252
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D14267
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E14267
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F14267
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G14267
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H14267
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I14267
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D14266
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E14266
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F14266
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G14266

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H14266
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I14266
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D14259
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E14259
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F14259
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G14259
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H14259
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I14259
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J14259
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D14254
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E14254
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F14254
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G14254
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H14254
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I14254
RCEP B	2022	2022	0	B!D14254
RCEP B	2023	2023	0	B!E14254
RCEP B	2024	2024	0	B!F14254
RCEP B	2025	2025	0	B!G14254
RCEP B	2026	2026	0	B!H14254
RCEP B	2027	2027	0	B!I14254
RCEP C	2022	2022	0	C!D14254
RCEP C	2023	2023	0	C!E14254
RCEP C	2024	2024	0	C!F14254
RCEP C	2025	2025	0	C!G14254
RCEP C	2026	2026	0	C!H14254

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I14254
RCEP D	2022	2022	0	D!D14253
RCEP D	2023	2023	0	D!E14253
RCEP D	2024	2024	0	D!F14253
RCEP D	2025	2025	0	D!G14253
RCEP D	2026	2026	0	D!H14253
RCEP D	2027	2027	0	D!I14253
RCEP E	2022	2022	0	E!D14257
RCEP E	2023	2023	0	E!E14257
RCEP E	2024	2024	0	E!F14257
RCEP E	2025	2025	0	E!G14257
RCEP E	2026	2026	0	E!H14257
RCEP E	2027	2027	0	E!I14257
RCEP F	2022	2022	0	F!D14254
RCEP F	2023	2023	0	F!E14254
RCEP F	2024	2024	0	F!F14254
RCEP F	2025	2025	0	F!G14254
RCEP F	2026	2026	0	F!H14254
RCEP F	2027	2027	0	F!I14254
VIFTA	2024	2024	0	VI!F13254
VIFTA	2025	2025	0	VI!G13254
VIFTA	2026	2026	0	VI!H13254
VIFTA	2027	2027	0	VI!I13254

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8502.31 có 2 dòng thuế; dòng 8502.31.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Công suất không quá 10.000 kVA.	8502.31.20 Công suất trên 10.000 kVA	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-003	YELLOW	Có biện pháp PVTM với xuất xứ khác	Chống bán phá giá: Một số sản phẩm thép điện gió – áp dụng cho CN (3453/QĐ-BCT). Xuất xứ đã chọn không nằm trong danh sách nhưng cần lưu ý rủi ro lẫn tránh.	TR-07 · Áp thuế chống bán phá giá đối với Một số sản phẩm thép điện gió (CN)	3453/QĐ-BCT	Lưu giữ hồ sơ chứng minh xuất xứ và nhà sản xuất thực tế.	Căn cứ: HT + cột chính sách mặt hàng BT2026 (nguồn); phạm vi chi tiết chưa xác minh
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8502.31.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N14940), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Áp thuế CBPG Một số SP thép điện gió (CN) (3453/QĐ-BCT-2024)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.